

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 9 - 2019.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Tân,
2. Ông Nguyễn Quang Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đức, Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn L, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 22 tháng 02 năm 2019, được bổ sung tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Q vào ngày 03/8/1998. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà cậu của anh T tại thôn L, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là trong thời gian Chị đi lao động ở nước ngoài gửi tiền về

để anh T trả nợ và nuôi các con, nhưng anh T không trả và không quan tâm chăm sóc đến gia đình, con cái. Vì thương con Chị đã nhiều lần tha thứ và mong anh T thay đổi, nhưng tình hình không có gì cải thiện, vợ chồng đã sống ly thân 6 năm nay. Hiện nay, Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể trở lại sống chung sống cùng nhau được nữa nên Chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên là Trần Minh Q, sinh ngày 23/6/1999; cháu Trần Minh T, sinh 07/7/2007. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của Chị là xin được nuôi cháu Trần Minh T và yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung hàng tháng cùng Chị là 1.000.000 đồng. Cháu Trần Minh Q đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m² làm trên thửa đất số 396, tờ bản đồ số 5, diện tích 200 m² được UBND huyện Q cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H11021 ngày 19 tháng 12 năm 1999 mang tên Trần Văn T. Chị đề nghị Tòa án chia đôi nhà đất. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị H rút yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 26/3/2019, Bị đơn anh Trần Văn T nhận được Giấy triệu tập và đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh T không viết bản tự khai mà tự ý bỏ về, Tòa án đã lập biên bản sự việc. Trong những lần Tòa án triệu tập tiếp theo, để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh T đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 14/5/2019, chị Lê Thị H đã làm đơn yêu cầu Tòa án tiến hành điều tra, xác minh lý do vắng mặt của anh T. Ngày 14/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh đã tiến hành điều tra, xác minh. Ông Trần Văn T, Trưởng Công an xã V cho biết: Anh Trần Văn T có hộ khẩu tại thôn L, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Anh T không cất tạm vắng đi đâu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 48, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203, 204, 208, 209, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, 54 của Luật Hôn nhân và gia đình; đương sự thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu xin ly hôn bị đơn là có cơ sở cần được chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị Hồng được ly hôn anh T. Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử giao cháu T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh T cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Về chia tài sản chung: Chị H đã rút yêu cầu việc giải quyết

tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ việc giải quyết yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại thôn L, xã V, huyện Quảng Ninh, căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng; tại phiên tòa lần thứ hai anh T vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần Văn T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, như vậy hôn nhân của Anh Chị là hợp pháp. Lẽ ra vợ chồng phải biết thương yêu, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau và cùng nhau làm ăn để xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng do anh T không chịu khó làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con mặc dù chị Hồng đã cho anh T nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh T vẫn không thay đổi, hai người đã sống ly thân 6 năm nay, không quan tâm lẫn nhau. Tại phiên tòa, chị H khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, nếu Tòa án xử bác đơn xin ly hôn thì vợ chồng vẫn không thể tiếp tục chung sống với nhau, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống riêng của mình. Quá trình giải quyết vụ án, anh T chỉ đến Tòa án một lần nhưng không viết bản tự khai và bỏ về, điều đó cho thấy anh T không có thái độ hợp tác, cố tình trốn tránh và không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị Lê Thị H. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 5, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung tên là Trần Minh Q, sinh ngày 23/6/1999; cháu Trần Minh T, sinh 07/7/2007. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì nguyện vọng của chị H xin được nuôi cháu Trần Minh T và yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con chung hàng tháng cùng Chị là 1.000.000 đồng. Cháu Trần Minh Q đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, anh T đi làm ăn ít có thời gian chăm sóc con cái, mặt khác cháu T cũng có đơn trình bày nguyện vọng muốn ở với chị H, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu T cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83, 84, 107 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung: Tại đơn khởi kiện, chị Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi tài sản là 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m² làm trên thửa đất số 396, tờ bản đồ số 5, diện tích 200m² được UBND huyện Q cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số H11021 ngày 19 tháng 12 năm 1999 mang tên Trần Văn T. Ngày 22 tháng 7 năm 2019 và tại phiên tòa, chị H đã rút yêu cầu phân chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Sau này, nếu có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại tiền tạm ứng án phí tài sản chị H đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Xử lý hôn nhân giữa chị Lê Thị H và anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình. Xử lý giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 07/7/2007 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng chị H là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu T trưởng thành (tròn 18 tuổi). Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích khoảng 70m² làm trên thửa đất số 396, tờ bản đồ số 5, diện tích 200m² được UBND huyện Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H11021 ngày 19 tháng 12 năm 1999 mang tên Trần Văn T. Các đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp, trả lại cho chị H 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số AA/2017/0004707, ngày 07 tháng 3 năm 2019. Anh Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã V;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu VP, Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhàn

.